



MAYA SCHOOL

TRƯỜNG TIỂU HỌC, TRUNG HỌC CƠ SỞ MAYA

Maya.edu.vn | Facebook.com/Maya.School

TUYỂN SINH: Admissions@mayaschool.edu.vn | 0971.69.8228 / 0971.58.8228

VĂN PHÒNG: Office@mayaschool.edu.vn | 0961.77.8228

MATHEMATICS

Exercise No 3 : Ôn tập cuối năm

Teacher : Nguyễn Thị Hậu

Bài 1. Số chia hết cho cả 2; 5; 9; 3 là:

- A. 2005 B. 1342 C. 6360 D. 1023840

Bài 2. Số bé nhất trong các số 801067, 980003, 107895, 104567

- A. 801067 B. 980003 C. 107895 D. 104567

Bài 3. Tìm X, biết: $X \times 15 = 2850$.

- A. $X = 109$ B. $X = 209$ C. $X = 42750$ D. $X = 190$

Bài 4. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm 3 tấn 5 tạ = ... tạ là:

- A. 305 B. 35 C. 350 D. 503

Bài 5. Phân số có giá trị bằng 1 là:

- A. $\frac{3}{3}$ B. $\frac{3}{2}$ C. $\frac{3}{4}$ D. $\frac{7}{2}$

Bài 6. Phân số có giá trị bé hơn 1 là:

- A. $\frac{9}{8}$ B. $\frac{9}{9}$ C. $\frac{8}{9}$ D. $\frac{8}{8}$

Bài 7. Rút gọn phân số $\frac{25}{100}$ về dạng tối giản (không thể rút gọn thêm được nữa).

- A. $\frac{5}{10}$ B. $\frac{10}{20}$ C. $\frac{2}{8}$ D. $\frac{1}{4}$

Bài 8. Phân số gấp 4 lần phân số $\frac{3}{8}$ là:

A. $\frac{12}{32}$

B. $\frac{12}{8}$

C. $\frac{3}{32}$

D. $\frac{7}{8}$

Bài 9. Số thích hợp để viết vào chỗ chấm của $15\text{m}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$ là:

A. 150

B. 150 000

C. 15 000

D. 1500

Bài 10. Một nhóm có 12 bạn, trong đó có 5 bạn nữ. Tỷ số của số bạn nam và số bạn nữ của nhóm đó là:

A. $\frac{5}{12}$

B. $\frac{7}{12}$

C. $\frac{7}{5}$

D. $\frac{5}{7}$

Bài 11. Giá trị của biểu thức $36576 : (4 \times 2) - 3708$ là :

A. 863

B. 864

C. 846

D. 854

Bài 12. Giá trị của biểu thức $\frac{9}{16} - \frac{3}{16} : \frac{3}{8}$ là:

A. $\frac{15}{16}$

B. 1

C. $\frac{5}{16}$

D. $\frac{1}{16}$

Bài 13. Kết quả của phép tính: $\frac{3}{2} - \frac{1}{2} + \frac{4}{3} = ?$

A. $\frac{5}{3}$

B. $\frac{7}{3}$

C. $\frac{5}{2}$

D. $\frac{7}{2}$

Bài 14. Một tấm kính hình thoi có độ dài các đường chéo là 18cm và 30cm. Tính diện tích tấm kính đó.

A. 270cm^2

B. 270 cm

C. 540cm^2

D. 54cm^2

Bài 15. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 150, chiều dài phòng học lớp đó đo được 6cm. Chiều dài thật của phòng học lớp đó là :

A. 9m

B. 5m

C. 10m

D. 6m

Bài 16. Đúng ghi Đ, sai ghi S :

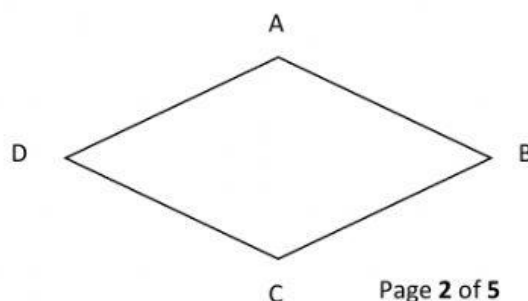
Trong hình thoi ABCD :

a) AB không song song với DC

b) AB vuông góc với AD

c) $AB = BC = CD = DA$

d) Chỉ có hai cặp cạnh bằng nhau

☐
☐
☐
☐


Bài 17. Một mảnh đất hình thoi có cạnh 10m được vẽ trên bản đồ có tỉ lệ 1 : 500. Hỏi trên bản đồ đó, độ dài thu nhỏ cạnh hình thoi là mấy xăng-ti-mét ?

- A. 2cm B. 20cm C. 200cm D. 2000cm

Bài 18. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống:

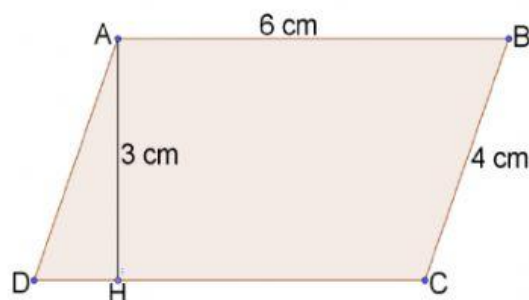
Hình bình hành ABCD (hình bên) có:

a/ AB vuông góc với DC ☐

b/ AH vuông góc với DC ☐

c/ Chu vi hình bình hành ABCD là 18 cm ☐

d/ Diện tích hình bình hành ABCD là 18 cm^2 ☐



Bài 19. Số thích hợp viết vào chỗ chấm để $57\text{m}^2 3\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$ là :

- A. 5730 B. 573 C. 570003 D. 5703

Bài 20. Mẹ hơn con 32 tuổi. Biết tuổi con bằng $\frac{1}{5}$ tuổi mẹ. Vậy tuổi của con là :

- A. 40 tuổi. B. 30 tuổi. C. 8 tuổi. D. 32 tuổi.

Bài 21. Kết quả phép cộng $\frac{1}{3} + \frac{5}{6} = \dots\dots\dots$ là :

- A. 1 B. $\frac{1}{6}$ C. $\frac{6}{9}$ D. $\frac{7}{6}$

Bài 22. Kết quả phép trừ $4 - \frac{3}{5} = \dots\dots\dots$ là :

- A. $\frac{1}{5}$ B. $\frac{17}{5}$ C. $\frac{3}{20}$ D. $\frac{1}{3}$

Bài 23. Một hình bình hành có diện tích là 100 cm^2 , chiều cao 20 cm. Tính độ dài đáy của hình bình hành đó là:

- A. 5cm B. 10cm C. 20 cm D. 15 cm

Bài 24. Cho các phân số $\frac{15}{4}$; $\frac{5}{4}$; $\frac{3}{4}$; $\frac{16}{4}$. Phân số lớn nhất là

- A. $\frac{15}{4}$ B. $\frac{5}{4}$ C. $\frac{3}{4}$ D. $\frac{16}{4}$

Bài 25. Biểu thức $\frac{15}{17} \times \frac{45}{33} - \frac{15}{17} \times \frac{12}{33}$ có kết quả là:

- A. $\frac{20}{17}$ B. $\frac{30}{33}$ C. $\frac{20}{33}$ D. $\frac{15}{17}$

Bài 26. Một hình bình hành có chiều cao 2dm và độ dài đáy 10cm. Diện tích hình bình hành đó là:

- A. 20cm² B. 200cm² C. 20dm² D. 24 dm²

Bài 27. Một hình thoi có độ dài đường chéo thứ nhất là 9 dm. Độ dài đường chéo thứ hai bằng $\frac{2}{3}$ độ dài đường chéo thứ nhất. Tính diện tích hình thoi đó?

- A. 18 dm² B. 36 dm² C. 27 dm² D. 54dm²

Bài 28. $\frac{5}{2}$ năm = tháng.

- A. 45 B. 30 C. 26 D. 76

Bài 29. Hiệu hai số 15, Số lớn gấp đôi số bé. Số bé là :

- A. 45 B. 27 C. 13 D. 15

Bài 30. Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài 96 m và chiều rộng bằng $\frac{1}{4}$ chiều dài.

Tính diện tích thửa ruộng.

- A. 384 m² B. 2304 m² C. 360 m² D. 240 m²

Bài 31. Bố hơn con 36 tuổi và tuổi bố gấp 7 lần tuổi con. Tính tuổi bố, tuổi con.

- A. 36 tuổi và 6 tuổi. C. 36 tuổi và 7 tuổi.
B. 42 tuổi và 6 tuổi. D. 42 tuổi và 7 tuổi.

Bài 32. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 27 m, và chiều rộng bằng $\frac{2}{5}$ chiều dài. Tính chiều dài, chiều rộng mảnh vườn.

A. 45m và 27 m

C. 27m và 18 m

B. 45m và 18 m

D. 27m và 5m